TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/DS-ST
Ngày: 11-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Danh.

Ông Lâm Ngọc Hà.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Loan Em là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 11 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 4 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2025/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty cổ phần S.

Địa chỉ: Số A N, phường T, tỉnh Ngệ An (số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An cũ).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Số C Đường P, phường P, thành phố Cần Thơ, văn bản uỷ quyền ngày 07/10/2024) (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Võ Văn V, sinh ngày 01/01/1970.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ (ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng cũ) (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 05 tháng 11 năm 2024 của nguyên đơn Công ty cổ phần S và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Theo giấy Đăng ký kinh doanh đã đăng ký thì Công ty cổ phần S tiền có ngay (sau đây gọi tắt là Công ty S) hoạt động ở nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực cầm cố tài sản.

Vào ngày 21/5/2024, ông Võ Văn V có đến Công ty S Chi nhánh S3 - TP ., tại địa chỉ số D, L, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng để ký hợp đồng cầm cố tài sản. Cụ thể theo hợp đồng số: STM240502021NA18X được ký giữa các bên ngày 21/5/2024 số đăng ký giao dịch đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký trực tuyến của Cục Đ: Giaodichdambao/botuphap: ..... theo web: https://dktructuyen.moj.gov.vn/

Thì ông Võ Văn V có ký hợp đồng cầm cố tài sản là:

- 01 xe môtô hai bánh BKS 83P3-849.11

- Loại xe HONDA FUTURE FI màu: Đỏ đen

- Số khung RLHJC7628JZ035492 - số máy JC76E0412980.

- Số Giấy chứng nhận đăng ký xe môtô số 007064 do Công an huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19/4/2022 để lấy số tiền là 10.797.872 đồng; thời hạn cầm cố là 12 tháng (từ 21/5/2024 - 21/5/2025) với mức lãi suất là 1,1%/ tháng.

Theo hợp đồng cầm cố đã ký thì Công ty S đã giải ngân đầy đủ số tiền trên cho ông Võ Văn V.

Do nhu cầu cần có xe đi lại hàng ngày nên Công ty S có ký giấy cho ông Võ Văn V mượn lại xe sử dụng. Trong Giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ ngày 21/5/2024 - 21/6/2024 địa điểm trả xe là tại Công ty S Chi nhánh S3 - TP . 1. Ông Võ Văn V có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: "Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận".

Quá trình trả nợ ông Võ Văn V chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo hợp đồng cho Công ty, đến nay đã quá hạn hợp đồng, hiện tại trễ 35 ngày. Ông Võ Văn V không trả nợ và cũng không trả lại xe máy cho Công ty S.

Nhân viên của Công ty S đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà ông Võ Văn V tại địa chỉ ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Sóc Trăng nhưng đều không gặp. Công ty S đã tạo rất nhiều điều kiện về thời gian để ông Võ Văn V trả lại tiền hoặc tài sản là xe máy đã cầm cố cho Công ty S, nhưng ông Võ Văn V không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh, chiếm đoạt tài sản của Công ty S.

Do đó, theo đơn khởi kiện Công ty cổ phần S yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Võ Văn V phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo theo Hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe đã ký với Công ty S (Chi nhánh S3 - TP . 1) theo Hợp đồng cầm cố số STM240502021NA18X, kèm giấy mượn xe đã ký với Chi nhánh S3 - TP . 1 ngày 21/5/2024 số tiền 10.223.678 đồng tạm tính đến ngày 26/10/2024 bao gồm:

- Gốc: 8.288.060 đồng.

- Lãi: 182.337 đồng (1.1%/tháng).

- Phí mượn xe: 1.166.170 đồng (5,4%/tháng).

- Phí quản lý hồ sơ: 82.881 đồng (0.5%/tháng).

- Phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 45.925 đồng.

- Phí thanh lý trước hạn: 458.305 đồng.

Ngoài ra, ông Võ Văn V còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 27/10/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 10/9/2025 người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Võ Văn V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm như sau: Số tiền vốn gốc 8.288.060 đồng; lãi trong hạn 805.323 đồng (từ ngày 26/8/2024 đến ngày 21/5/2025 là 08 tháng 25 ngày x 1,1%/tháng); lãi quá hạn 501.428 đồng (từ ngày 22/5/2025 đến ngày 11/9/2025 là 03 tháng 20 ngày x 1,65%/tháng). Tổng cộng số tiền vốn gốc và lãi là 9.594.811 đồng. Ngoài ra, ông Võ Văn V còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 12/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Đồng thời, xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là xin rút phần yêu cầu buộc ông Võ Văn V thanh toán các khoản gồm: Phí mượn xe 1.166.170 đồng (5,4%/tháng); phí quản lý hồ sơ 82.881 đồng (0.5%/tháng); phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 45.925 đồng; phí thanh lý trước hạn 458.305 đồng.

Sau khi ông Võ Văn V thanh toán xong nợ cho Công ty S thì Công ty S đồng ý trả lại cho ông Võ Văn V bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe gắn máy số 007046, biển số đăng ký 83P3-849.11 do Công an huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19/4/2022 cho ông Võ Văn V.

Đối với bị đơn ông Võ Văn V: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 37/TB-TLVA ngày 03 tháng 4 năm 2025, tống đạt hợp lệ cho ông Võ Văn V, nhưng ông V không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty S. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với ông Võ Văn V để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông V vắng mặt không có lý do, người đại diện theo ủy quyền của Công ty S có đơn yêu cầu Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của ông V trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi nộp đơn khởi kiện, Công ty S căn cứ vào hợp đồng cầm cố tài sản số: STM240502021NA18X được ký giữa các bên ngày 21/5/2024, giữa bên nhận cầm cố là Công ty S với bên cầm cố là ông Võ Văn V; địa chỉ ấp T, xã T, huyện C, tỉnh

Sóc Trăng. Công ty S có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ) buộc ông Võ Văn V phải trả cho Công ty S số tiền đã nhận khi cầm cố tài sản vốn gốc còn nợ, lãi suất, phí theo quy định của hợp đồng cho đến khi trả hết nợ. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho Công ty S nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và Công ty S đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của Công ty S là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh T và bị đơn ông Võ Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và đều vắng mặt tại phiên tòa. Ông T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và ông V vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh T và ông Võ Văn V.

[1.3] Đối với việc người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn có yêu cầu xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gồm: Rút phần yêu cầu buộc ông Võ Văn V thanh toán các khoản gồm: Phí mượn xe 1.166.170 đồng (5,4%/tháng); phí quản lý hồ sơ 82.881 đồng (0.5%/tháng); phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 45.925 đồng; phí thanh lý trước hạn 458.305 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện trên của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu mà nguyên đơn đã rút như đã nêu trên.

[2] Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S với số tiền vốn gốc 8.288.060 đồng; lãi trong hạn 805.323 đồng (từ ngày 26/8/2024 đến ngày 21/5/2025 là 08 tháng 25 ngày x 1,1%/tháng); lãi quá hạn 501.428 đồng (từ ngày 22/5/2025 đến ngày 11/9/2025 là 03 tháng 20 ngày x 1,65%/tháng). Tổng cộng số tiền vốn gốc và lãi là 9.594.811 đồng. Ngoài ra, ông Võ Văn V còn phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 12/9/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 21/5/2024, giữa Công ty S Chi nhánh S3 - TP . và ông Võ Văn V có ký kết hợp đồng cầm cố tài sản số STM240502021NA18X, theo nội dung hợp đồng thì ông Võ Văn V cầm cố tài sản là chiếc xe máy – biển kiểm soát 83P3-849.11; giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, gắn máy số 007064 do Công an huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19/4/2022 cho Công ty S để lấy số tiền 10.797.872 đồng. Sau khi ký hợp đồng, Công ty S đã giải ngân đầy đủ tiền cho ông Võ Văn V sau khi trừ đi các khoản chi phí theo thỏa thuận. Xét thấy, Hợp đồng cầm cố tài sản được hai bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không

bị lừa dối hay bị ép buộc, phù hợp với quy định tại Điều 309 Bộ luật Dân sự nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Quá trình thực hiện hợp đồng thì ông Võ Văn V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi hàng tháng cho nguyên đơn theo thỏa thuận, hiện nay số tiền nợ gốc mà ông Võ Văn V còn nợ Công ty S là 8.288.060 đồng. Như vậy, ông Võ Văn V đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi hàng tháng cho Công ty S theo thỏa thuận là đã vi phạm Điều 4 của Hợp đồng cầm cố tài sản mà các bên đã ký kết. Do đó, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn V phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc còn nợ 8.288.060 đồng là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 280, Điều 309 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ theo hợp đồng cầm cố tài sản số: STM240502021NA18X ngày 21/5/2024 thì các bên thỏa thuận mức lãi suất trong hạn là 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,65%/tháng đối với số tiền vốn gốc. Theo Nghị định 96/2016/NĐ-CP01/7/2016 của Chính phủ, quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, thì tại khoản 6 Điều 29 quy định về trách nhiệm của cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ thì *"Tỷ lệ lãi suất cho vay tiền khi nhận cầm cố tài sản không vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự"*. Như vậy, lãi suất thỏa thuận nêu trên là phù hợp với lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do ông Võ Văn V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận giữa các bên, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn V có nghĩa vụ trả tiền lãi gồm: Lãi trong hạn 805.323 đồng (từ ngày 26/8/2024 đến ngày 21/5/2025 là 08 tháng 25 ngày x 1,1%/tháng); lãi quá hạn 501.428 đồng (từ ngày 22/5/2025 đến ngày 11/9/2025 là 03 tháng 20 ngày x 1,65%/tháng) là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Theo Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ trả tiền thì *"1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*. Như vậy, nguyên đơn Công ty S khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Võ Văn V trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi suất như đã thỏa thuận là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ những nhận định tại các đoạn [3], [4], [5] nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty S, buộc ông Võ Văn V có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ vốn gốc 8.288.060 đồng; lãi trong hạn 805.323 đồng; lãi quá hạn 501.428 đồng. Tổng cộng số tiền vốn gốc và lãi là 9.594.811 đồng.

[7] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 12/9/2025) bị đơn ông Võ Văn V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn, lãi trong hạn (nếu có) của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[8] Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Công ty S về việc đồng ý trả lại cho ông Võ Văn V bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe gắn máy số

007064 do Công an huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19/4/2022 cho ông Võ Văn V sau khi ông Võ Văn V thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Công ty S.

[9] Về án phí sơ thẩm:

[9.1] Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bị đơn ông Võ Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 479.740 đồng.

[9.2] Nguyên đơn Công ty cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005853 ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 280; Điều 309; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Khoản 6 Điều 29 của Nghị định 96/2016/NĐ-CP01/7/2016 của Chính phủ, quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S về yêu cầu trả số tiền vốn gốc còn nợ, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn đối với bị đơn ông Võ Văn V.

2. Xử buộc bị đơn ông Võ Văn V phải trả cho nguyên đơn Công ty cổ phần S số tiền vốn gốc 8.288.060 đồng; lãi trong hạn 805.323 đồng; lãi quá hạn 501.428 đồng. Tổng cộng số tiền vốn gốc và lãi là 9.594.811 đồng (chín triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn tám trăm mười một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 12/9/2025) bị đơn ông Võ Văn V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn, lãi trong hạn (nếu có) của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Khi ông Võ Văn V thực hiện hoàn tất việc trả nợ cho Công ty cổ phần S, thì Công ty cổ phần S phải có nghĩa vụ giao trả lại cho ông Võ Văn V bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe môtô, xe gắn máy số 007064 do Công an huyện C, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19/4/2022.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S về việc yêu cầu ông Võ Văn V thanh toán các khoản gồm: Phí mượn xe 1.166.170 đồng (5,4%/tháng); phí quản lý hồ sơ 82.881 đồng (0.5%/tháng); phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 45.925 đồng; phí thanh lý trước hạn 458.305 đồng.

5. Về án phí:

5.1. Bị đơn ông Võ Văn V phải chịu 479.740 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

5.2. Nguyên đơn Công ty cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005853 ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ).

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ (Phòng THADS khu vực 6 – Cần Thơ);
- TAND thành phố Cần Thơ (Phòng GĐ, KT, TT & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn